

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/6/2022

Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng và bà Cao Thị Lệ Pha

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLST-HN ngày 28 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Mộng N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Mai H, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh Đoàn Văn B, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Thanh H, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu

(chị N và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Mộng N trình bày: Vợ chồng chung sống và tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi vào năm 2014, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện.

Nguyên nhân ly hôn do vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong cách sống nên cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay Chị và con đã về nhà mẹ ruột sinh sống, không còn sống chung nhà cùng anh B.

Về con chung của vợ chồng: Có một người con chung tên Đoàn Khải K, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2011, hiện cháu K đang sống với Chị, Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Anh Đoàn Văn B trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 5 năm 2022: Vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Nguyên nhân chị N xin ly hôn là do Anh và chị N không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải, nay không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nên chị N yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Thống nhất với lời khai của chị N về con chung. Thống nhất để con là cháu Đoàn Khải K cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, xin tạm miễn việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trương Mộng N và anh Đoàn Văn B

Về quan hệ con chung: Có một người con chung tên Đoàn Khải K, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2011, hiện con đang sống với chị N, có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Mộng N và anh Đoàn Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Mộng N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đoàn Văn B, anh B có địa chỉ cư trú tại Ấp Thanh H, xã Long Điền T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Trương Mộng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đoàn Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau ngày 20 tháng 8 năm 2014 nên hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp.

Cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm, mỗi người có suy nghĩ, cách sống khác nhau, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị N xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ. Tuy nhiên qua thời gian chung sống, chị N và anh B không thực hiện được mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân không đạt được dẫn đến việc Chị N và con đã về nhà mẹ ruột, không còn chung sống với anh B nữa. Nay cả chị N và anh B đều thống nhất ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh B

[2.2] Về con chung: Chị N và anh B đều có nguyện vọng tiếp tục giao con là cháu Đoàn Khải K, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2011 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự nguyện vọng của Anh, Chị, tiếp tục giao con cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đoàn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị N và anh B thống nhất xác định không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Mộng N và anh Đoàn Văn B thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân: chị Trương Mộng N phải nộp số tiền 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ và phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trương Mộng N và anh Đoàn Văn B

[2] Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Đoàn Khải K, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2011 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đoàn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị N và anh B thống nhất xác định không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Mộng N và anh Đoàn Văn B không yêu cầu xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trương Mộng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002272 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông H được chuyển thu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi cục THADS huyện Đông H;
- UBND xã Nguyễn H;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài